

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 30

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Tùng	Thành viên độc lập
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Tùng	Trưởng ban
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Kiện Phương	Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	
Bà Đặng Kiện Phương	từ ngày 26 tháng 4 năm 2022

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số (“Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6,841,882,833,647	5,782,218,104,857
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,450,368,646,470	827,783,770,177
1. Tiền	111	5	186,908,731,279	281,583,199,598
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,263,459,915,191	546,200,570,579
II. Các khoản phải thu	130		2,220,553,259,795	1,578,648,707,157
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.1	1,981,650,094,151	1,495,983,810,520
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.2	92,224,724,578	37,475,210,563
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		41,528,419,000	23,719,520,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	148,729,632,408	64,774,131,168
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(43,579,610,342)	(43,303,965,094)
III. Hàng tồn kho	140	8	3,002,673,387,260	3,254,338,593,622
1. Hàng tồn kho	141		3,129,669,315,928	3,444,696,834,978
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(126,995,928,668)	190,358,241,356
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		168,287,540,122	121,447,033,901
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	15,516,149,231	27,076,513,096
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		151,287,069,991	93,498,790,623
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1,484,320,900	871,730,182

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		659,132,981,730	573,071,018,721
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		17,040,194,482	22,404,577,034
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	17,040,194,482	22,404,577,034
II. Tài sản cố định	220		131,009,469,030	95,633,913,128
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	38,258,867,224	32,282,943,499
<i>Nguyên giá</i>	222		83,995,714,753	70,980,186,026
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(45,736,847,529)	38,697,242,527
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	92,750,601,806	63,350,969,629
<i>Nguyên giá</i>	228		105,972,874,734	69,168,297,228
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(13,222,272,928)	5,817,327,599
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		14,909,126,190	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14,909,126,190	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		19,111,845,883	70,627,336,629
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	19,111,845,883	62,083,786,629
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	8,543,550,000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		477,062,346,145	384,405,191,930
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	20,439,951,286	8,959,419,363
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		72,748,685,377	89,142,419,300
3. Tài sản dài hạn khác	268		31,312,693,640	9,248,006,055
4. Lợi thế thương mại	269	13	352,561,015,842	277,055,347,212
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		7,501,015,815,377	6,355,289,123,578

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

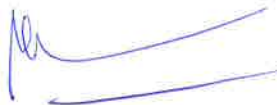
Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số cuối kỳ
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4,873,913,364,207	3,932,007,390,301
I. Nợ ngắn hạn	310		4,857,731,077,670	3,882,135,103,764
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14.1	1,556,751,930,406	1,210,476,408,516
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14.2	138,521,125,899	95,943,311,704
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	31,361,021,453	38,651,778,315
4. Phải trả người lao động	314		30,923,720,210	28,120,828,619
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	251,494,903,833	306,510,997,307
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	247,446,844
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	527,186,182,982	287,433,150,342
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	2,321,492,192,887	1,914,826,375,993
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	75,193,876
II. Nợ dài hạn	330		16,182,286,537	49,872,286,537
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	7,768,629,427	5,858,629,427
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		5,500,000,000	41,100,000,000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2,913,657,110	2,913,657,110
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,627,102,451,170	2,423,281,733,277
I. Vốn chủ sở hữu	410		2,627,102,451,170	2,423,281,733,277
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19.1	1,672,244,430,000	1,632,299,430,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,672,244,430,000	1,632,299,430,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		61,233,761,416	61,233,761,416
3. Cổ phiếu quỹ	415	-	6,439,937,166	6,302,937,166
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		400,000,000	400,000,000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19.1	867,192,867,929	706,724,931,528
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		512,803,771,037	22,941,644,446
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		354,389,096,892	683,783,287,082
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	423		32,471,328,991	28,926,547,499
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7,501,015,815,377	6,355,289,123,578

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2024


Trần Quế Tâm
Người lập biểu

Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởngĐoàn Hồng Việt
Chủ tịch HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Chỉ tiêu	Quý IV		Năm nay	Lũy kế	Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước			
01	20.1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4,977,453,423,124	4,267,569,167,184	19,015,122,364,435	22,138,437,361,611	
02	20.1	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	(128,476,692,380)	(192,446,478,211)	(197,647,016,714)	(79,229,675,376)	
10	20.1	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4,848,976,730,744	4,075,122,688,973	18,817,475,347,721	22,059,207,686,235	
11	21	4. Giá vốn hàng bán	(4,328,031,420,137)	(3,605,299,884,815)	(17,257,979,824,162)	(20,396,747,935,946)	
20		5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	520,945,310,607	469,822,804,158	1,559,495,523,559	1,662,459,750,289	
21	20.2	6. Doanh thu hoạt động tài chính	66,159,157,488	67,876,618,447	194,553,722,080	209,046,617,972	
22	22	7. Chi phí tài chính	(27,869,955,580)	(73,499,848,935)	(138,130,573,740)	(144,032,907,196)	
23		Trong đó: chi phí lãi vay	(22,876,778,293)	(41,567,513,759)	(122,212,057,838)	(99,165,599,216)	
24		8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	(4,651,411,129)	(705,567,181)	(4,305,069,190)	(1,826,431,065)	
25	23	9. Chi phí bán hàng	(370,634,010,173)	(223,219,460,189)	(943,621,127,669)	(721,767,972,398)	
26	23	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(64,143,985,259)	(40,238,001,394)	(198,654,795,562)	(135,821,551,618)	
30		11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	119,805,105,954	200,036,544,906	469,337,679,478	868,057,505,984	
31	24	12. Thu nhập khác	3,881,588,005	1,379,357,981	11,144,843,381	2,080,047,652	
32	24	13. Chi phí khác	(5,372,346,163)	(3,875,839,238)	(9,913,098,741)	(7,769,877,426)	
40	24	14. Lợi nhuận khác	(1,490,758,158)	(2,496,481,257)	1,231,744,640	(5,689,829,774)	
50		15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	118,314,347,796	197,540,063,649	470,569,424,118	862,367,676,210	
51	26	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(47,747,679,946)	(53,666,677,066)	(91,584,555,924)	(175,167,174,169)	
52		17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	19,678,517,754	11,677,296,561	(16,393,733,923)	(3,598,155,250)	
60		18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	90,245,185,604	155,550,683,144	362,591,134,271	683,602,346,791	
61		19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	89,568,304,952	155,754,386,747	354,389,096,892	688,783,287,082	
62		20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	676,880,652	(203,703,603)	8,202,037,379	(180,940,291)	
70		21. Lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu	536	961	2,123	118	

Trần Quốc Tâm
Người lập biểuVũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B03-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	LŨY KẾ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		470,569,424,118.00	862,367,676,210
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	02		42,403,220,764	12,835,431,569
- Các khoản dự phòng (hoàn nhập)	03		(63,011,473,564)	167,417,055,113
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2,872,651,571)	(2,591,469,959)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(86,580,303,370)	(45,267,166,661)
- Chi phí lãi vay	06		119,803,214,695	38,976,960,657
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		480,311,431,072	1,033,738,486,929
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(565,869,635,265)	264,559,986,716
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		322,497,188,635	(534,861,275,034)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		574,770,132,623	(1,678,547,308,077)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(14,965,012,983)	(21,450,408,681)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(128,130,669,229)	(27,671,805,824)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(100,434,436,195)	(211,821,387,644)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		568,178,998,658	(1,176,053,711,615)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(29,947,442,144)	(13,227,342,811)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(47,800,000,000)	(17,319,520,000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		29,991,101,000	
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(153,172,969,051)	(282,332,587,343)
5. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		8,543,550,000	
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		75,326,657,246	52,561,287,971
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(117,059,102,949)	(260,318,162,183)

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	LŨY KẾ	
			<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		40,000,000,000	22,000,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(192,000,000)	(30,000,000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		10,602,331,782,395	9,983,737,010,218
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(10,303,601,827,811)	(9,145,283,375,752)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(167,072,974,000)	(90,597,556,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		171,464,980,584	769,826,078,466
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		622,584,876,293	(666,545,795,332)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	827,783,770,177	1,494,332,170,846
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(2,605,337)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	1,450,368,646,470	827,783,770,177

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2024


Trần Quế Tâm
Người lập biểu

Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởngĐoàn Hồng Việt
Chủ tịch HĐQT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định Niêm yết số 308/QĐ-SGDHCM do Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 07 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Số 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 815 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 633).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các công ty con như sau:

Tên công ty con	Đầu tư	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu (%)	
				Cuối kỳ	Đầu năm
(1) Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	Trực tiếp	Cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Đang hoạt động	100	100
(2) Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Gián tiếp	Mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện điện tử	Đang hoạt động	100	100
(3) Công ty TNHH CSV Healthcare	Gián tiếp	Mua bán thực phẩm chăm sóc sức khỏe	Ngừng hoạt động	80	80
(4) Công ty Cổ phần Dịch vụ Phát triển Thị trường C.L	Gián tiếp	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	90,15	90,15
(5) Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất Bellvina	Gián tiếp	Mua bán hàng tiêu dùng	Đang hoạt động	76.99	51
(6) Công ty TNHH MTV DPHARMA	Gián tiếp	Phân phối dược phẩm	Đang hoạt động	100	100
(7) Công ty cổ phần Achison	Gián tiếp	Tư vấn và mua bán giải pháp BHLĐ	Đang hoạt động	75	60
(8) Công ty cổ phần Việt Money Holdings	Gián tiếp	Thương mại	Đang hoạt động	72.80	0

8.1 Công ty cổ phần Việt Money

8.2 Công ty TNHH MTV Giải pháp Bất động sản Việt Land

8.3 Công ty TNHH Việt Technologies.

8.4 Công ty TNHH Giải pháp công nghệ Việt Technologies

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua, Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày và cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động mua bán, bảo hành, sửa chữa sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính, thiết bị tin học, điện thoại và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc đã định rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Mua thêm sở hữu vào công ty con hiện hữu - Achison

Vào ngày 13 tháng 06 năm 2023, Nhóm Công ty đã tăng tỷ lệ sở hữu vào Achison từ 60% lên 75% với giá phí đầu tư là 39.375.000.000 VNĐ.

Ảnh hưởng do các thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Achison phát sinh từ nghiệp vụ trên đây được hạch toán giảm vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 26.848.186.491 VNĐ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. (Thuyết minh số 18.1)

Mua thêm sở hữu vào Công ty con hiện hữu - Việt Money Holdings

Vào ngày 06 tháng 10 năm 2023, Nhóm Công ty hoàn thành việc mua 2.389.613 cổ phần của Việt Money Holdings, tương đương với 72.80% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết, từ các cổ đông hiện hữu, với tổng giá phí đầu tư là 126.675.987.285 VNĐ. Theo đó Việt Money Holdings trở thành công ty con của Nhóm công ty.

	VND
Tài sản	108,188,619,456
Tiền	3,258,773,897
Các khoản phải thu	56,179,120,642
Hàng tồn kho	7,469,669,585
Tài sản cố định	30,039,923,722
Các tài sản ngắn hạn khác	5,244,608,541
Tài sản dài hạn khác	5,996,523,069
Nợ phải trả	80,037,609,081
Vay	72,335,862,310
Phải trả người bán	345,091,933
Phải trả khác	7,356,654,838
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý tạm tính	28,151,010,375
Cổ đông không kiểm soát	(7,657,184,460)
Lợi thế thương mại từ Hợp nhất kinh doanh	106,182,161,370
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	126,675,987,285

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Tiền mặt	2,096,923,565	600,392,375
Tiền gửi ngân hàng	184,734,435,339	281,099,780,223
Các khoản tương đương tiền	1,263,491,339,566	546,000,570,579
Tiền đang chuyển	45,948,000	83,027,000
TỔNG CỘNG	1,450,368,646,470	827,783,770,177

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**5.1 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Công Ty Cổ Phần Thế Giới Di Động & chi nhánh	140,169,916,930	80,258,767,760
Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT & CN	42,568,523,586	12,997,613,034
Công ty Cổ phần thương mại Dịch vụ Phong Vũ	82,283,998,049	66,940,939,100
Các khoản phải thu khách hàng khác	1,716,627,655,586	1,335,786,490,626
TỔNG CỘNG	1,981,650,094,151	1,495,983,810,520
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10,429,865,601)	(10,429,865,601)
GIÁ TRỊ THUẦN	1,971,220,228,550	1,485,553,944,919

5.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
HP PPS Singapore (Sales) Pte Ltd	869,076,000	3,759,835,186
Công Ty TNHH Công Nghệ HUAWEI Việt Nam	4,058,241,911	1,498,998,482
Khác	87,297,406,667	32,216,376,895
TỔNG CỘNG	92,224,724,578	37,475,210,563
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(10,705,510,850)	(10,429,865,602)
GIÁ TRỊ THUẦN	81,519,213,728	27,045,344,961

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	VND Số đầu năm
Ngắn hạn		
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32,874,099,492	32,874,099,492
Tạm ứng cho nhân viên	8,816,386,103	382,407,559
Khác	107,039,146,813	31,517,624,117
TỔNG CỘNG	148,729,632,408	64,774,131,168
Dự phòng phải thu khác	(32,874,099,492)	(32,874,099,492)
GIÁ TRỊ THUẦN	115,855,532,916	31,900,031,676
Dài hạn		
Đặt cọc, ký quỹ	17,040,194,482	22,404,577,034

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Hàng hóa	2,657,873,235,136	2,745,538,967,676
Hàng mua đang đi đường	427,090,921,901	646,809,383,666
Hàng gửi đi bán	9,891,155,735	19,343,908,965
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34,814,003,156	33,004,574,671
TỔNG CỘNG	3,129,669,315,928	3,444,696,834,978
Dự phòng HTK	(126,995,928,668)	(190,358,241,356)
GIÁ TRỊ THUẦN	3,002,673,387,260	3,254,338,593,622

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí hoạt động	15,251,604,746	26,718,340,263
Công cụ, dụng cụ	264,544,485	358,172,833
	15,516,149,231	27,076,513,096
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	3,819,087,436	2,263,234,293
Khác	16,620,863,850	6,696,185,070
	20,439,951,286	8,959,419,363

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B09-DN/HN

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Số đầu kỳ	22,510,497,439	6,627,141,609	37,602,692,007	4,239,854,971	70,980,186,026
Mua sắm	-	124,075,989	12,903,498,181	281,082,784	13,308,656,954
Tặng từ Hợp nhất	-	110,000,000	773,067,000	-	883,067,000
Giảm TSCĐ - Thanh lý	-	(59,174,351)	(634,545,454)	(482,475,422)	(1,176,195,227)
Số cuối kỳ	22,510,497,439	6,802,043,247	50,644,711,734	4,038,462,333	83,995,714,753
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	2,077,344,525	3,856,547,078	2,786,984,429	8,720,876,032
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	(12,012,202,379)	(5,658,427,656)	(17,867,252,073)	(3,159,360,419)	(38,697,242,527)
Thanh lý	-	59,174,351	634,545,454	328,881,727	1,022,601,532
Tặng từ Hợp nhất	-	-	(364,235,681)	-	(364,235,681)
Khấu hao trong năm	(942,092,868)	(604,172,004)	(5,883,624,373)	(268,081,608)	(7,697,970,853)
Số cuối kỳ	(12,954,295,247)	(6,203,425,309)	(23,480,566,673)	(3,098,560,300)	(45,736,847,529)
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	10,498,295,060	1,394,066,145	21,745,039,756	1,080,494,552	32,282,943,499
Số cuối kỳ	9,556,202,192	598,617,938	26,755,313,742	939,902,033	38,258,867,224

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	10,242,673,206	58,925,624,022	69,168,297,228
Tăng từ hợp nhất	33,050,874,256	-	33,050,874,256
Mua sắm	3,753,703,250	-	3,753,703,250
Số cuối kỳ	47,047,250,712	58,925,624,022	105,972,874,734
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	(5,817,327,599)	-	(5,817,327,599)
Khấu hao trong kỳ	(3,397,945,514)	-	(3,397,945,514)
Tăng từ hợp nhất	(4,006,999,815)	-	(4,006,999,815)
Số cuối kỳ	(13,222,272,928)	-	(13,222,272,928)
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	4,425,345,607	58,925,624,022	63,350,969,629
Số cuối kỳ	33,824,977,784	58,925,624,022	92,750,601,806

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ %	Giá trị đầu tư VND	Tỷ lệ %	Giá trị đầu tư VND	Số đầu kỳ
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Tập đoàn B2X Việt Nam	49.10%	8,732,891,517	49.10%	9,951,720,320	
Công Ty Cổ Phần Việt Money Holding	21.86%	-	21.86%	42,197,198,330	
Công ty cổ phần Dược phẩm Đại Tín	36.01%	10,100,104,366	36.01%	9,934,867,979	
Khác	0.05%	278,850,000	-	-	
		19,111,845,883		62,083,786,629	

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
	<i>Lợi thế thương mại từ mua lại các công ty con</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	281,182,554,358
Tăng trong năm	106,182,161,370
Số cuối kỳ	<u>387,364,715,728</u>
Phân bổ lũy kế	
Số đầu kỳ	(4,127,207,146)
Phân bổ trong năm	(30,676,492,740)
Số cuối kỳ	<u>(34,803,699,886)</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	<u>277,055,347,212</u>
Số cuối kỳ	<u><u>352,561,015,842</u></u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Asus Global Pte. Ltd.	170,939,591,129	194,784,764,605
Acer Incorporated	3,375,835,375	-
Xiaomi H.K Limited	352,244,760,091	92,221,601,734
Lenovo (Singapores) Pte. Ltd.	50,604,591,883	18,071,061,324
Nhà cung cấp khác	<u>979,587,151,928</u>	<u>905,398,980,853</u>
TỔNG CỘNG	<u>1,556,751,930,406</u>	<u>1,210,476,408,516</u>

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
XIAOMI H.K Limited	83,633,572,288	82,372,732,130
Khác	<u>54,887,553,611</u>	<u>13,570,579,574</u>
TỔNG CỘNG	<u>138,521,125,899</u>	<u>95,943,311,704</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VND	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chiết khấu thương mại	158,621,295,159	243,469,155,309
Chi phí hoạt động và hỗ trợ bán hàng	68,202,548,491	32,959,871,603
Chi phí lãi vay	5,378,833,860	13,706,288,394
Khác	<u>19,292,226,323</u>	<u>16,375,682,001</u>
TỔNG CỘNG	<u>251,494,903,833</u>	<u>306,510,997,307</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28,625,777,202	37,475,657,473
Thuế thu nhập cá nhân	2,517,587,384	1,085,996,238
Các loại thuế khác	217,656,867	90,124,604
TỔNG CỘNG	<u>31,361,021,453</u>	<u>38,651,778,315</u>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>VND Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
UPAS L/C (*)	502,415,914,000	257,895,308,000
Chi trả hộ	12,523,927,784	15,826,411,176
Phải trả BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	3,066,667,799	2,376,521,165
Phải trả khác	9,179,673,399	11,334,910,001
TỔNG CỘNG	<u>527,186,182,982</u>	<u>287,433,150,342</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	7,768,629,427	5,858,629,427
TỔNG CỘNG	<u>7,768,629,427</u>	<u>5,858,629,427</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B09-DN/HN

17. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	VND
				Số cuối kỳ
Vay ngân hàng	1,914,826,375,993	10,627,997,644,705	(10,248,836,827,811)	2,293,987,192,887
Vay khác	41,100,000,000	46,670,000,000	(54,765,000,000)	33,005,000,000
	1,955,926,375,993	10,674,667,644,705	(10,303,601,827,811)	2,326,992,192,887

Chi tiết các khoản vay ngân hàng được trình bày như sau:

Tên Tổ chức tín dụng	Số cuối kỳ VND	Ngày đến hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
1 Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) - CN Tp. HCM	509,974,716,265	Ngày 05/01/2024 đến 20/03/2024	Từ 3.2% đến 4.1%	Không có tài sản đảm bảo
2 Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	630,786,740,595	Ngày 02/01/2024 đến 27/03/2024	Từ 3.5% đến 3.8%	Không có tài sản đảm bảo
3 Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	181,733,710,066	Ngày 26/02/2024 đến 27/02/2024	3.00%	Không có tài sản đảm bảo
4 Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	369,759,819,269	Ngày 25/02/2024 đến 11/03/2024	3.00%	Không có tài sản đảm bảo
5 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP.HCM	497,682,745,660	Ngày 27/02/2024 đến 04/04/2024	3.50%	Không có tài sản đảm bảo
6 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam	14,863,503,600	Ngày 26/01/2024	4.30%	Không có tài sản đảm bảo
7 Ngân hàng TNHH HSBC (VIỆT NAM)	9,577,886,700	Từ ngày 29/11/2023 đến 27/02/2024	3.80%	Không có tài sản đảm bảo
8 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn	60,608,470,910	Từ ngày 29/02/2024 đến 28/05/2024	Từ 5% đến 6.1%	Thế chấp bất động sản
9 Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 3 TP.HCM	13,003,737,512	Ngày 09/04/2024	6.30%	Thế chấp bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B09-DN/HN

17. VAY (tiếp)

Tên Tổ chức tín dụng	Số cuối kỳ VND	Ngày đến hạn thanh toán	Lãi suất (%/năm)	Hình thức bảo đảm
10 Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Bản Việt - CN Tây Sài Gòn	5,995,862,310	Từ ngày 18/01/2024 đến ngày 25/01/2024	11.50%	Không có tài sản đảm bảo
11 Trần Thị Kim Anh	9,805,000,000	Từ ngày 10/01/2024 đến 10/10/2025	12.00%	Thế chấp bất động sản
12 Vay cá nhân khác	23,200,000,000	Ngày 01/01/2024	12.75%	Không có tài sản đảm bảo

TỔNG CỘNG**2,326,992,192,887**

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B09-DN/HN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	885,520,250,000	61,233,761,416	(6,272,937,166)	400,000,000	838,318,380,446	2,085,212,686	1,781,284,667,382
Phát hành cổ phiếu ESOP	22,000,000,000	-	-	-	-	-	22,000,000,000
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(30,000,000)	-	-	-	(30,000,000)
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(90,597,556,000)	-	(90,597,556,000)
Phát hành cổ phiếu thường	724,779,180,000	-	-	-	(724,779,180,000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	683,783,287,082	26,841,334,813	710,624,621,895
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	1,632,299,430,000	61,233,761,416	(6,302,937,166)	400,000,000	706,724,931,528	28,926,547,499	2,423,281,733,277
Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	1,632,299,430,000	61,233,761,416	(6,302,937,166)	400,000,000	706,724,931,528	28,926,547,499	2,423,281,733,277
Phát hành cổ phiếu ESOP (*)	40,000,000,000	-	-	-	-	-	40,000,000,000
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(192,000,000)	-	-	-	(192,000,000)
Giảm cổ phiếu Quỹ (*)	(55,000,000)	-	55,000,000	-	-	-	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(167,072,974,000)	-	(167,072,974,000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	354,389,096,892	3,544,781,492	357,933,878,384
Tăng tỷ lệ sở hữu trong công ty con.	-	-	-	-	(26,848,186,491)	-	(26,848,186,491)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1,672,244,430,000	61,233,761,416	(6,439,937,166)	400,000,000	867,192,867,929	32,471,328,991	2,627,102,451,170

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**18.2 Cổ phiếu**

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	167,224,443	163,229,943
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	167,224,443	163,229,943
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	167,224,443	163,229,943
Cổ phiếu quỹ	(151,469)	(154,469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151,469)	(154,469)
Cổ phiếu đang lưu hành	167,072,974	163,075,474
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	167,072,974	163,075,474

19. DOANH THU**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Tổng doanh thu:	19,015,122,364,435	22,138,437,361,611
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19,015,122,364,435	22,138,437,361,611
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại và chiết khấu thương mại	(197,647,016,714)	(79,229,675,376)
DOANH THU THUẦN	18,817,475,347,721	22,059,207,686,235

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Kỳ này</i>	<i>VND Kỳ trước</i>
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	4,070,901,238	2,660,490,207
Lãi chênh lệch tỷ giá	71,209,747,676	79,289,335,109
Chiết khấu thanh toán được hưởng	47,000,627,015	82,663,685,137
Lãi trái phiếu và đầu tư khác	70,651,813,334	40,465,099,168
Khác	150,888,546	3,968,008,351
TỔNG CỘNG	194,553,722,080	209,046,617,972

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa bán và dịch vụ cung cấp	17,257,979,824,162	20,396,747,935,946
TỔNG CỘNG	17,257,979,824,162	20,396,747,935,946

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí lãi vay	119,803,214,695	94,393,774,539
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15,083,623,324	47,936,163,579
Chiết khấu thanh toán	432,812,659	1,498,551,482
Chi phí dự phòng đầu tư Tài chính	13,110,000	
Khác	2,797,813,062	204,417,596
TỔNG CỘNG	138,130,573,740	144,032,907,196

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí bán hàng	943,621,127,669	721,767,972,398
Chi phí nhân viên	78,745,699,449	60,930,398,366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77,965,854,822	39,544,531,887
Chi phí quảng cáo, KM, hỗ trợ bán hàng	684,159,414,652	523,618,034,136
Chi phí bằng tiền khác	102,750,158,746	97,675,008,009
Chi phí quản lý doanh nghiệp	198,654,795,562	135,821,551,618
Chi phí nhân viên	83,826,593,589	59,634,599,295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67,464,553,450	29,810,488,663
Chi phí bằng tiền khác	47,363,648,523	46,376,463,660
TỔNG CỘNG	1,142,275,923,231	857,589,524,016

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.
 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Thu nhập khác	11,144,843,381	2,080,047,652
Thu nhập khác	11,144,843,381	2,080,047,652
Chi phí khác	9,913,098,741	7,769,877,426
Các khoản chi phí khác	9,913,098,741	7,769,877,426
LỢI NHUẬN THUẦN	1,231,744,640	(5,689,829,774)

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Chi phí mua hàng	17,257,979,824,162	20,396,747,935,946
Chi phí nhân công	162,572,293,038	120,564,997,661
Chi phí khấu hao tài sản cố định	42,403,220,764	5,958,971,259
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145,430,408,272	69,355,020,550
Chi phí bằng tiền khác	791,870,001,157	661,710,534,546
	18,400,255,747,393	21,254,337,459,962

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Kỳ này	VND Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	470,569,424,118	862,367,676,210
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	94,113,884,824	172,473,535,242
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
<i>Khác</i>	(3,746,107,663)	(379,294,733)
<i>Lỗi tính thuế từ công ty con,</i>	(67,313,468)	10,123,969,543
<i>Lỗi tính thuế từ công ty liên kết</i>	83,230,371	365,286,213
<i>Phân bổ lợi thế thương mại</i>	708,956,298	115,055,994
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	(293,948,854)	136,369,257
<i>Chi phí không được khấu trừ thuế</i>	785,854,416	1,325,455,412
Chi phí thuế TNDN	91,584,555,924	178,765,329,419

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ông Đoàn Hồng Việt	178,033,000	199,683,000
Bà Đặng Kiện Phương	174,809,000	193,430,000
Bà Tô Hồng Trang	174,809,000	193,430,000
Ông Nguyễn Duy Tùng	120,000,000	120,000,000
Ông Trần Bảo Minh	120,000,000	120,000,000
TỔNG CỘNG	767,651,000	826,543,000

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	354,389,096,892	683,783,287,082
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	166,955,105	166,054,853
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	2,123	4,118

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Dưới 1 năm	61,616,152,006	50,353,899,927
Từ 1 đến 5 năm	146,332,930,222	156,313,098,372
Trên 5 năm	6,901,269,606.00	5,325,715,441
TỔNG CỘNG	214,850,351,834	211,992,713,740

CÔNG TY CỔ PHẦN THẾ GIỚI SỐ

B09-DN/HN

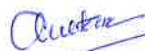
Địa chỉ: 195-197 Đường Nguyễn Thái Bình, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính quý kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Trần Quế Tâm
Người lập biểu



Vũ Thị Mai Hân
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Chủ tịch HĐQT.

